

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 18

Phẩm 10: BỐN ĐẾ

Giải thích nghĩa Bốn Đế.

Giải thích nghĩa Bốn Đảo.

Giải thích lược nghĩa Phật Tánh.

Ví dụ cô gái nghèo Kim Tạng.

Ví dụ bệnh của con người phụ nữ.

Bồ-tát Ca-diếp đặt ra mười một câu hỏi, để trách cứ làm cho thấy có.

Ví dụ viên ngọc giữa hai đầu chân mày của người Lực sĩ.

Nhận xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi: “Thế nào là các Bậc Điều Ngự?” Là tâm vui mừng nói chân đế.”

Trên nói, giáo của ma là tà. Nay, nói Đức Phật là Đấng Điều Ngự. Xưa nói chẳng phải khổ là khổ, do “Điều trị” hoặc vui, “Hoặc” vui đã được trị, thì Phật rất vui mừng. Nói Phật là niềm vui, niềm vui của Đức Phật là chân đế.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ đây cho đến hỏi về thấy tánh, nói rộng về nghĩa của nhân. Bốn đế: Cảnh mà tuệ soi chiếu. Từ Vườn Nai đến hội Pháp Hoa. Đức Phật nói về giai cấp, phần lớn khác nhau, chỉ có giáo này là tròn khắp, đầy đủ. Sẽ nói về, nhân mẫu thường trụ, tất nhiên là đạo quán chiếu trong tư chất, nhưng chẳng phải cảnh thì sẽ không lấy gì để giải thích trí, nên chỉ nêu bốn đế, để nói về tướng mạo của nhân.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Xưa nói bốn đế là chỉ ở ba cõi, giáo ngày nay, về lý đều bao gồm. Dù nói có bốn, nhưng phải ở chân như vắng lặng. Thuyết nay chỉ y cứ gốc mà bỏ sót ngọn. Chỉ thú này mới sáng tỏ để gọi tâm Thánh, nên nói “Vui mừng”. Nhưng với phẩm Bốn Đế, nói về lý, vì chu tất nên nói rằng do tín nên thường trụ, từ trong đạo trời người ra khỏi thẳng sinh tử, đây tất nhiên là trước hết tin thường,

sau đó là nhận thức vô thường. Nếu không hiểu cả hai thì đâu được vào đạo. Vì thế, nên trong Diệt đế ở đây nói: “Người tu, khổ diệt là trái với ngoại đạo. Nay, nếu quả tu “Không” của đoạn diệt và nếu do “Không” mà tỏ ngộ được lý, thì ngoại đạo lẽ ra cũng biết đúng? Về lý thì không thể. Xưa, vì dẫn dắt phàm phu, nên có thuyết này. Nếu không có quyền giáo thì người ngu thấp hèn sẽ dứt hy vọng!”

“Phật lại bảo Ca-diếp! “Nỗi khổ mà Như lai đã nói” cho đến “Chúng sinh ở địa ngục, lẽ ra có Thánh đế?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không thấy chân lạc, không gọi là thấy khổ. Vì sao? Vì tâm tuy cầu vui mà không nhận thức được vui chân thật, cho ba cõi là vui, nên không thấy khổ, không dùng sức sinh để quyết định.”

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Trong mỗi đế đều có chia làm bốn:

1. Nói về hoặc.
2. Nói về giải.
3. Kết Thánh đế.
4. Kết phi đế.

Sẽ nói về trung đạo tròn chiếu trước nói không hiểu, dùng hình tướng để giải thích nghĩa.

Lớp đầu, nói về tên đế là ở chiếu, không ở khổ.

Lớp thứ hai, nói dù tên đế ở chiếu, nhưng không ở chấp nghiêng lệch. Nói về khổ có địa, không thật có nơi chốn, chẳng những mất đi lý mà cũng đắm chìm trong khổ. Trí hữu dư của giáo xưa không khỏi điên đảo. Nay, nói là lý cùng cực, cho nên nghiệp chân, thiện.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trong bốn đế lý có bốn lớp, được gọi là Đế, sẽ giải thích cảnh chưa rõ, nên y cứ vào cảnh để nói đế. Trong khổ đế có bốn:

1. Từ “Bắt đầu, cho đến nhiều khổ não”, là nói về “Mất”.
2. Từ “Nếu có thể biết” cho đến “Liên sinh lên cõi trời” là nói về được..
3. Từ “Sau khi được giải thoát” cho đến “Vừa mới chứng biết”, đó là chứng đắc.
4. Từ “Như lai đối với Bốn tế” cho đến “Bèn được chân trí”, đó là nói về mất.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới mỗi đế có ba ý. Ba ý trong khổ đế, là từ bắt đầu” cho đến “Phần nhiều chịu khổ não:

1. Nêu “không biết” kia, ngoài thể tướng của khổ đế.

2. Từ “Nếu có thể biết” cho đến “Bèn được chân trí”, giải thích từ lý được quả.

3. Từ “Nếu biết như thế” cho đến “Chẳng phải khổ Thánh đế”, kết thúc tà, chánh.

Pháp sư Tuệ Lãng thuật lời của Pháp sư Tăng Tông rằng: “Nói về khổ đế có sáu thứ bậc, đây là ngôi thứ nhất, lý trực bình, nghĩa là không phải chánh khổ là khổ đế.”

“Này người thiện nam! Nếu có người không biết Như lai” cho đến “Thêm lớn các kiết, phần nhiều chịu khổ não.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Tầng bậc thứ hai, là nói về mất.”

“Nếu có người biết được Như lai thường trụ” cho đến “Một lần nghe qua tai, liền được sinh lên cõi trời.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Tầng bậc thứ ba, là nói về được.”

Về sau, lúc được giải thoát, mới chứng biết được” cho đến “Nay được giải thoát, mới chứng biết.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ tư là chứng đắc”.

“Thuở trước, Như lai vì bốn thứ điên đảo” cho đến “Đây gọi là khổ, chứ chẳng phải khổ Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ sáu, kết thúc cả hai “Được” “Mất”.

“Khổ, Tập đế ở trong chân pháp” cho đến “Không được sinh lên cõi trời và chánh giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Pháp chân là Tập, chẳng sinh chân trí, là không sinh tập trí.”

Thọ vật bất tịnh, có khả năng tu tập trong sinh tử là chân tập, mà không sinh tập trí.

Không biết pháp tánh, là không thấy Phật tánh.

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Trong đây nói về Tập, câu văn lại, vì phân biệt nêu ra tập, nên không biết thường.”

Pháp sư Tuệ Lãng ghi lời của Tăng Tông rằng: “Nói về tập, diệt, đạo, đều có năm thứ bậc, đây là thứ nhất, trước nói về “Mất”. Nêu lên trôi lăn sinh tử, cho là lỗi lầm.”

“Nếu có trí sâu, thì không hư hoại chánh pháp”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ bậc thứ hai, là nói về “Được”.

“Do nhân duyên này, được sinh lên cõi trời và chánh giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ bậc thứ ba là chứng đắc.”

“Nếu có người không biết lãnh vực của khổ đế, tập đế” cho đến

“Trôi lăn sinh tử, chịu các khổ não.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ bậc Thứ tư là chứng “Mất”.

“Nếu biết được pháp thường trụ không khác” cho đến “Đó gọi là tập, chẳng phải tập Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ bậc Thứ năm là song thúc cả hai “Được” và “mất”.

“Khổ đế, diệt đế, là nếu có người thường tu” cho đến “Cũng tu “Pháp không”, lẽ ra có diệt đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước chẳng phải xưa đã nói, nghĩa là tự biết nay là đúng. Xưa nói diệt có hai thứ: Một là tánh diệt, nghĩa là “Không vô ngã”; hai là diệt thân trí; Đức Như lai chẳng phải “Không vô ngã”, thân trí bất diệt, mà nghĩ là diệt, là hoài bảo của Như lai.”

Kính Di thuật lời của Tăng Tông rằng: “Sinh tử là không, quả Phật bất không. Nếu cho rằng hai chỗ đều không thì đối với quả là sai lầm, nên nói là “Nhiều”, trái với ngoại đạo tu “Không”, bao gồm tất cả pháp. Nay, phân biệt tướng “Không”, vì chánh trái với tà, nên nói trái ngược.

Pháp sư Tuệ Lãng thuật lời của Tăng Tông rằng: “Cũng có năm thứ bậc, đây là thứ bậc thứ nhất, nêu “Hoặc” để nói về “Mất”.

“Nếu có thuyết nói: “Có Như lai tạng” cho đến “Dứt trừ tất cả phiền não, bấy giờ mới được nhập.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ hai, là nói về “Được”.

“Nếu phát một niệm nhân duyên của tâm này, thì sẽ được tự tại đối với các pháp.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba là chứng đắc.”

“Nếu có người tu tập bí Tạng của Như lai” cho đến “Trôi lăn chịu khổ trong sinh tử.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ tư là chứng “Mất”.

“Nếu người nào tu tập Diệt đế như vậy, cho đến đó gọi là tu pháp “Không”, chẳng phải diệt Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói: “Thứ năm là kết thúc cả “Được” và “Mất”.

“Đạo Thánh đế tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và Chánh giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đây có tám thêm bậc, đây là thêm bậc thứ nhất, trước nêu ra cảnh đạo.”

“Có các chúng sinh tâm điên đảo nói rằng” cho đến “Trôi lăn

trong ba cõi chịu khổ lớn lâu dài.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ hai là nói về “Mất”.”

“Nếu người phát tâm nhận biết Như lai thường trụ không có thay đổi. Pháp tăng giải thoát cũng giống như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba là nói về “Được”.”

“Nhân một niệm này, sẽ được quả báo tùy ý tự tại trong vô lượng đời.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ tư là chứng đắc”.

“Vì sao? Như ta thuở xưa, vì bốn đảo” cho đến “Thành Phật Chánh Giác, đây gọi là đạo Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ năm là chứng mất”.

“Nếu có người nói Tam bảo là Vô thường” cho đến “Chân kiến tu tập bốn pháp Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ sáu là kết thúc cả “Được” và “Mất”.”

“Đó gọi là bốn Thánh đế”.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ bảy là tổng kết”.

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:” cho đến “Tu tập rất sâu bốn pháp Thánh đế.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói rằng: “Thứ tám là nhận hiểu.”

Phẩm 11: BỐN ĐẢO

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi về chánh thiện thành tựu đầy đủ, nói rộng về bốn điên đảo. Vì muốn cho bốn đế đầy đủ, lại nói bốn đảo nên thuộc về lưu thông.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên nêu Cảnh để nói về trí. Ở đây nói về “Hoặc” để làm rõ “Giải”, vì nói rộng làm rõ tướng “Giải”, nên trước hết nêu tướng “Hoặc” kia thì nói về nghĩa mới được rõ ràng. Cũng như sắp nói về phương pháp tu thắng lợi trong văn của ba tu trên, thì trước hết nêu tám đảo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ chín, kế là, nói về lý nguy.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trên nói về bốn đế, dẫn vật sinh “Giải”, chỉ vì hiểu biết chân thật khó phát sinh, để trở nên lối chấp hẹp hòi, chấp thì thành trái ngược.”

“Phật bảo Ca-diếp: “Nói là bốn đảo” cho đến “Là vô thường, gọi

là tội khổ lớn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước nói về thể đảo, cũng nên nói rõ, chỉ vì văn kinh nói sơ lược mà thôi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dưới đây, trước nói trong khổ mà nghĩ là vui, trái với nỗi khổ, chính là chưa giải thích thích hợp với nghĩ là khổ trong chẳng phải khổ. Nay, sẽ giải thích về lý do của sự trái ngược kia. Có chấp này, nói là quyết định được lý, bèn chấp ngang trái tưởng vui ở trong sinh tử.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phân biệt trong đảo ban đầu, có ba lượt: Trước là nói về đảo sau. Kế là, nói về đảo trước. Thứ ba là nêu đảo sau để kết câu. Y theo đảo trong phần nói về Phật có bốn ý:

1. Trước, là mở rộng môn chương.
2. Giải thích môn chương.
3. Cho rằng, Như lai là hành khổ.
4. Nói Đức Phật là hoại khổ.

“Nếu người nào chấp như vậy, thì chính là người mắc tội khổ lớn.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trong phần giải thích về đảo ban đầu có ba lượt:

1. Cuối cùng nghĩ là khổ gọi là điên đảo. Vì định chỉ rõ mê có vui trong khổ, nên giải thích về thể của khổ, có hai ý: Đầu tiên y cứ vào lý để nói về tướng mạo của đảo kia. Sau là kinh, kết thêm nghĩ là điên đảo. Đây là thứ nhất.

Nếu đối với niềm vui, khởi tưởng khổ, thì sẽ chịu quả khổ, mà cho là “Ngã” tức là thọ hưởng niềm vui. Đây là ở trong khổ mà khởi “Hoặc vui”.

“Nếu nói Như lai đã xả thân khổ này” cho đến “Đó gọi là chẳng phải khổ mà nghĩ là khổ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khổ có hai thứ: Hành khổ và Hoại khổ. Trước nói là Vô thường, thay đổi khác đi là hành khổ. Nay nói xả thân khổ này, nghĩa là hoại khổ, đều nêu cả hai đảo.”

“Đây gọi là điên đảo”.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Ý thứ hai, kinh kết thêm tên đảo kia.”

“Nếu ta nói rằng Như lai là thường” cho đến “Nói như thế, tức là ta cảm nhận niềm vui.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích về ý sinh ra đảo, tức là ngã kiến. Nếu nói Phật không sinh, diệt, thì tức là tự tại, tự tại là “Ngã”. Ngã kiến là gốc sinh ra các kiết. Cho nên, không nói Đức Phật

là thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, là thứ hai nói về đảo ở trước. “Hoặc” là “Tự cho rằng”. Nếu nói Phật là thường, thì tức là chấp ngã. Thuở xưa ta vì lối chấp này, nên mắc vô lượng tội. Nay, nếu nói Phật là vô thường, thì sẽ lìa bỏ ngã kiến, thọ nhận niềm vui.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Giải thích thỏa đáng về khởi chấp vui trong khổ, có hai ý, đây là ý thứ nhất, nêu ra ý khởi đảo kia.

“Như lai vô thường, tức là khổ này” cho đến “Vì cứ nghĩ là vui, nên gọi là điên đảo.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Ý thứ hai, kinh kết thêm thành đảo kia.”

“Vui mà nghĩ là khổ, gọi là điên đảo” cho đến “Gọi là điên đảo, đó gọi là đảo ban đầu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hoặc” là “Cho rằng” vì thường thì không diệt, diệt thì bất thường, là giải thích về lý do của hành khổ này.”

Xả thân là thế nào? Vui thì không nên xả mà xả, nên biết là khổ. Đây là giải thích thế nào là hoại khổ?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây thứ ba, nêu lại đảo sau, kết thúc câu trước.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Chính là nói đối với vui mà khởi chấp khổ, là đảo có ba ý:

1. Dựa theo lý để nói chấp kia là đảo.
2. Kinh kết thêm thành điên đảo.
3. Nêu ra ý khởi chấp của người kia.”

“Vô thường, mà nghĩ là thường, thường, mà nghĩ là vô thường” cho đến “Đây gọi là điên đảo thứ hai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tánh “Không” là thường, vì thấy thường nên thường, không thấy thường là vô thường.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nên nói đối với thường, nghĩ là vô thường, gọi là chẳng tu pháp “Không”, sinh tử là không quả Phật là không. Nếu nói quả Phật là không, thì sẽ mất đi giới hạn, trái với đạo tu “Không”. Tuổi thọ ngắn ngủi, nghĩa là lối chấp đã trái thì chắc chắn không được mầu nhiệm chân thường, há không phải tuổi thọ ngắn ngủi ư?”

“Vô ngã nghĩ là “Ngã”, “Ngã” nghĩ là “Vô ngã” cho đến “Đây gọi là điên đảo thứ ba.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Không có Phật tánh: Vì Phật tánh không có “Hoặc”, nên tự tại không dứt, vì có “Hoặc” nên không được

tự tại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Có hai thứ bậc: Từ đầu đến “Là gọi điên đảo”, trước nói về đảo ở trước, kế là từ Phật pháp có ngã trở xuống, kế là nói đảo sau tuy nói có ngã, nhưng không có Phật tánh, chỉ vì chấp thân ngã là “Ngã”, nên không nói Phật tánh là ngã.”

“Tịnh, nghĩ à bất tịnh, bất tịnh tưởng là tịnh” cho đến “Chúng con đều là người tà kiến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có hai thứ bậc: Từ đầu v.v...đến là diệt”, đó gọi là điên đảo. Trước nói về đảo sau. Kế là, từ nghĩ là bất tịnh” cho đến “điên đảo thứ tư là nói về đảo trước. Phẩm cuối Bồ-tát bạch Phật, đã nói bốn đảo xong, Bồ-tát Ca-diếp nhận lấy, hiểu biết rõ.”

Phẩm 12: NHƯ LAI TÁNH (Phần 1)

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi: “Thế nào là tạo nghiệp lành? Nay, Như lai sẽ nói để ông được biết rộng về nhân của hai quả: Sống lâu và Kim Cương.

Trên, vì nói lược về nhân, nên lấy từ bi hộ pháp làm gốc. Nay, vì nói rộng về Nhân, nên từ ba quy y cuối cùng đến Thập địa.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Từ đây cho đến “Nếu ngã trụ thì sẽ không lìa khổ, là đáp câu hỏi: “Thế nào là tạo nghiệp lành?”

“Bốn Y trở về trước, đại ý nói về người tu hành. Tu điều lành, che chở giữ gìn chánh pháp là sự nghiệp lành.

Nay, nói về lý do phát sinh nghiệp lành, tức là Phật tánh. Phát tánh là lý sinh ra điều lành. Nếu lý không có thì việc lành do đâu sinh? Đây là Phật tánh, là căn bản tạo ra nghiệp lành. Phật tánh là chánh nhân. Nghiệp lành là duyên nhân.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Phẩm trước đã nói: “Giải” là đế, “Hoặc” là đảo. Chỉ vì giải rõ ràng vi tế, vi tế thì sẽ được sinh lên cõi trời, rõ ràng thì được gọi là chánh giải thoát.

Nay, nói về nghiệp lành, về khởi thủy của nghiệp lành, vì khó thấy tánh và rộng về chung cuộc của nghiệp lành đó. Sở dĩ nói rộng, vì người mới hiểu rõ lý mâu nhiệm trong cảnh, chẳng qua Phật tánh nói cảnh chân này sinh ra văn tuệ phẩm hạ kia, dù là “Giải” sâu kín, nhưng chẳng phải không nhờ giải này mà sinh ra hạnh cao siêu, cuối cùng sẽ thấy tánh. Vì thế, nên đều gọi là nghĩa của nghiệp lành.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phật tánh có bốn thứ, đó là chánh nhân duyên, quả của nhân và quả của quả. Bốn tên gọi đã gồm thấu hết chỉ thú đều cùng tận. “Duyên” nhân và chính nhân đều là đạo của thần lực. Tránh khổ, tìm vui, người trí, kẻ ngu đều đồng như vậy, chỉ khác ở chỗ là theo đuổi công dụng cần thiết. Về nghĩa, được chia làm hai. Lấy sự hiểu biết thường có đầu cuối, không có tác dụng kiến lập, bỏ phước, ghi chép thành chánh nhân, không có công dụng hưng phước, trong một sát-na, tiến đến quả Phật bất động. Vì thế, nên biết rằng, tránh khổ tìm vui, thật sự là do công dụng của “Giải” này, chứ không phải là chiêu cảm bởi nhân thiện ác. Bởi, kinh Thắng-man chép: “Tự tánh thanh tịnh tâm”; phẩm Sư Tử Hống nói: “Một thứ Trung đạo”, mà công dụng này không trái với lý Đại thừa thì há chẳng phải là chánh hay sao? Nhân duyên, nghĩa là dùng muôn điều lành làm thể. Từ một niệm lành trở lên, đều giúp sức sinh ra quả tốt đẹp. Vì nhờ duyên mới phát, nên gọi là duyên nhân. Tuy nhiên, “Giải” này lực mà không hằng, mới sinh mà không diệt, tức là khác hẳn với chánh nhân. Nếu, không có “Duyên” này giúp đỡ, thì bảo thủ tánh mà không dời đổi. Cho nên hai nhân phải cần nhau, đeo sát nhau. Nếu tác dụng đã đủ thì nghĩa của chánh nhân cũng khắp. Hai tác dụng đều tròn thì sinh tử dứt hết. Tâm sau của Kim cương được gọi là Trí nhất thiết. Chủ quả của nhân chuyển, gọi là tánh quả.

Quả của quả, là tên gọi đối với sinh tử, đối với các đức, lại đặt tên chung, gọi là Đại Niết-bàn. Vì trên quả lập quả, gọi là quả của quả. Lại không có lúc khác, chỉ là nghĩa có trước, sau mà thôi.

Nếu nói về tánh của Cảnh giới thì chỉ thú của tánh đó thông suốt qua, đồng là trợ duyên, không còn khai riêng. Ở văn dưới, Đức Phật tự cắt đứt thành bốn tên, đó là nhân đơn, quả đơn, nhân trùng, quả trùng.

Phẩm này được chia thành bốn phần: Đầu tiên có năm thí dụ, trước hết, tánh nhân quả nhất định. Thứ hai, giải thích về một thể ba quy y, để khuyên người học sinh niềm tin. Thứ ba, nói về ba thứ Trung đạo, nhằm chính thức nói về hành nghiệp làm điều lành. Thứ tư, từ “Khó thấy tánh trở xuống, vẫn đáp câu hỏi thứ mười một, để nói chính mình chẳng phải chiếu cùng cực về lý quả, mà không có do thấy suốt nhân.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phẩm này có ba đoạn:

1. Giải thích nghĩa được thực hành nghiệp lành.
2. Nói về ba Quy y.
3. Căn cứ ba thứ Trung đạo để làm sáng tỏ tuệ hạnh.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Hai mươi lăm cõi có ngã hay không?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ở trước nói: “Ngã” trong pháp Phật, tức là Phật tánh.” Vậy thì hai mươi lăm cõi lẽ ra có chân ngã mà giao tiếp nhau không thấy, cũng giống như không có ngã? Giáo lý chưa hiển bày, nên có câu hỏi này.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sẽ chỉ rõ về chân quy, tự quy Tam bảo trong thân vị lai, nên trước phải xác định là “Có” ngã hay không.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu tự xét nghiệm trong thân có ba quy y thường trụ, thì lý không khác với thú, có thể được siêng năng thực hành các việc lành. Vì thế, nên trước phân biệt có Phật tánh chân ngã, sau đó sẽ nói rộng trong thân có thể của ba quy, chỉ nên quy ở đây mà thực hành nghiệp lành.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước nói sinh tử không có “Ngã” mà chấp có “Ngã” tức gọi là đảo. Nay, lại hỏi quyết định là “có” hay quyết định là không. Ý cho rằng: “Nếu nhất định là không thì sẽ không có Phật tánh, còn nếu quyết định có, thì không nên nói điên đảo.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Nếu trong sinh tử không bao giờ có “Ngã”, thì một lần giáo hóa là dứt, làm sao thực hành nghiệp lành ư?”

Phật dạy: “Này người thiện nam! “Ngã” tức là nghĩa Như lai tạng, tất cả chúng sinh đều có.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về Như lai tạng, “Ngã” và Phật tánh, thể một mà nghĩa khác: Đủ tám tự tại nghĩa là ngã. Nướng đạo như thật, gọi là Như lai, vì không thay đổi, nên gọi là Phật tánh.

Đều có, nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh là Phật tánh. Vốn do hạnh địa, vì có tâm cầu chứng đắc, nên nhân quả không dứt, có nhân cũng có quả lẫn nhau, vì quả cũng có nhân, nên nói “Tất cả chúng sinh đều có”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong đáp câu hỏi, có bốn đoạn:

1. Ký thác năm ví dụ để giải thích “Có”, “Không” của tánh.

2. Khuyến tin: Nói về mê thì rơi vào khổ, hiểu rõ thì giúp cho tinh thần, vì lý sâu khó chế phục, đâu thể không phát sinh tín ngưỡng sâu sắc ư? Dù có tín ngưỡng, nhưng nếu nhờ tâm thì sẽ mất sự vừa chừng dù có tin cũng vô ích. Cho nên khuyên người tu hành chỉ trở về với Tam bảo của chính mình. Không nên bỏ thân mình gần để quy y Đức Phật xa khác. Nếu ai hiểu được như thế, thì tức là tiêu biểu tông chỉ có lĩnh vực, an tâm được vừa chừng. Dù là nghĩ định tâm có địa, nhưng vẫn phải cần muôn hạnh để hướng về yếu chỉ thường, về sự đối với Trung đạo, cho nên kể là, đây chính là nghĩa của nghiệp lành.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Về câu hỏi: “Thế nào là tạo nghiệp

lành?” mà đáp rằng do chánh nhân”, ấy là vì muốn nói về người tạo nghiệp lành, thì phải nhận thức trước nhân quả. Vì nếu chỉ nam không lập thì nghiệp sẽ không thấy, nên phải nói về chánh nhân trước.

Dưới đây, thường có năm thí dụ, chính là để nói về lý này.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đều có” nghĩa là đều có tánh sẽ thành quả Phật. Do nghĩa này, nên sẽ làm cho chúng sinh sinh tử nối nhau không dứt, để được xây dựng nghiệp lành.”

Pháp sư Đàm Tiên nói: “Đáp câu hỏi có hai ý:

1. Nói là “Có”.

2. Nói dù “Có” mà không thấy.

Minh Tuấn nói: “Đáp có hai ý:

1. Phán quyết là “Có”.

2. Đã nói “Có” nhưng sờ dĩ không thấy, là vì có hai lý: Một là nói chỉ có nhân không thấy, không có duyên cơ thấy. Vì sao? Vì bị phiền não che lấp, tự không có nhân thấy; hai là đã bị pháp “Hoặc” ngăn che, Đức Phật không thể nói cho nghe. Do đó, dù mình không thấy, nhưng không tổn thương cái “Có”. Vì nói mà không được đúng điều mình đã nói, nên hễ nói thì thành trái ngược. Dưới đây dùng năm ví dụ để thấy rộng về chỉ thú này.

“Phật tánh tức là nghĩa “ngã”.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tướng hạt giống, nghĩa là tánh tự nhiên. Phật tánh sinh ở chỗ Chư Phật. Trước kia nói: “Ngã” tức là Phật tạng”. Nay nói rằng: “Phật tánh tức “Ngã”, làm từ ngữ lẫn nhau.”

“Nghĩa của “Ngã” như vậy, từ xưa đến nay” cho đến “Vì cho nên chúng sinh không thể thấy được.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đã che mờ lý thành Phật. Lại, che lấp ánh sáng thấy Phật” đồng với Pháp sư Tăng Lượng giải thích về nghĩa tạng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lý này, không hề tạm vô chỉ vì ẩn, hiển nên khác. Vì sao? Vì nói về “Hoặc” và “Giải” là hai đường mà thôi. Nếu trái với lý khởi “Hoặc” thì sẽ lằng xằng sinh tử. Nếu thuận theo lý mà sinh “Giải”, thì Niết-bàn vắng lặng. Chính vì bị Niết-bàn che lấp thì ẩn mà không hiển bày rục rỡ. Về nghĩa, gọi là tạng, về lý thì không phải mới xây dựng, nên không thể nói là “Không”. Chưa có dụng thấy được thì không được nói là có thuyết Trung đạo, tức là không phải bệnh. Nếu chấp “Đã có” thì sẽ trở thành điên đảo.”

“Này người thiện nam! Như cô gái nghèo.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Phật tánh vốn có, chính là lòng từ

nghĩ đến chúng sinh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Với có mà không thấy làm thí dụ, tánh người nữ vốn ưa thích vật báu. Vì không biết chỗ có vàng, nên phải cam chịu nghèo khổ. Chúng sinh rất muốn được niềm vui, vì không có được, nên vẫn phải cam chịu trôi lăn trong sinh tử.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Chúng sinh có lý thành Phật, lý do lòng từ thương xót là cô gái nghèo, lý thành Phật đối với ta chưa có tác dụng, dụ cho nghèo.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước kia Bồ-tát Ca-diếp nhắm vào câu hỏi, làm cho trở thành phạm lỗi, với Như lai nay thí dụ nói cả hai đều không có tai hại.

Về lý, như kho vàng chẳng thể không có, vì chưa phát hiện được công dụng của chúng, nên không được nói có. Người con gái lấy khả năng sinh làm nghĩa, cũng dùng công sức chăm sóc, nuôi nấng làm đức. Ví dụ người tu hành này, thì phải hoài bão hiểu về thường, là lấy nghĩa “Năng sinh”. Đạo gồm chưa nghe, lấy đức chăm sóc nuôi nấng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ý làm ví dụ có năm:

Ví dụ thứ nhất nói về chúng sinh sáu đường, đều có chánh nhân, chẳng phải mới khởi.

Ví dụ thứ hai, giải thích lý do không được, tức ý nói người thời bấy giờ lại sinh nghi ngờ đối với hai ví dụ này, cho rằng, nếu quyết định không là “Không có”, thì lẽ ra có công dụng hiện thật? Bồ-tát Ca-diếp đặt ra mười một câu hỏi.

Ví dụ thứ ba, là đáp chung: “Dù rằng về lý tánh, là bất không, nhưng mất “Giải”, khởi “Hoặc” trôi lăn sinh tử, đâu được công dụng hiện thật?”

Ví dụ thứ tư, ở trên dù đã nói trước được mà sau mất, chưa nói đã mất rồi lại được. Lại, nói trong chúng sinh tự có người chưa từng được “giải” mà đã trải qua sáu đường. Nếu đối với người này, thì chưa hẳn là có? Vì thế, nên ví dụ hôm nay, nói rộng về hai chỉ thú này. Trước nói dù đã từng mất, mà sau lại được. Kế là, nói về chánh nhân không trở ngại, hư hoại, tức là trải qua mất và chưa được, đều là không vô.

Ví dụ thứ năm, dụ riêng về được, là nói về nghĩa chắc chắn thành. Cô gái nghèo, dụ cho tất cả chúng sinh.

“Trong nhà”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Năm ấm nối nhau, lấy ý nghĩa chứng bệnh vôi vã của năm ấm kia. Lý nhân quả không đến từ bên ngoài, dụ cho bên trong.”

“Có nhiều kho vàng ròng”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tàng, nghĩa là lý thường, lạc, cất giấu chưa phát hiện.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Được kho vàng, thì sẽ trở thành người giàu. Nếu thấy được Phật tánh, thì sẽ thành Phật.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phật tánh trong thân, về lý, chắc chắn là rõ ràng, như nghĩa kho báu trong nhà cô gái nghèo kia.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Đủ nhân, quả là kho tàng.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Pháp bảo trong quả, đức của Tam bảo vô cùng, dù cho có nhiều. Sự quý báu của lý tánh, lấy ví dụ ở vàng, nghĩa bị “Hoặc” che kín, gọi là Tàng.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Lý tánh không hai, vì tùy theo chúng sinh chẳng phải một, nên nói có nhiều.”

“Hầu hết những người lớn, nhỏ trong nhà, chẳng có ai biết.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì chỗ ở yên chung, nên là một nhà.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Phàm phu, dù cho nhỏ, người Nhị thừa, dù cho lớn.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Chúng sinh có Muôn vạn khác nhau, là có lớn, có nhỏ. Cùng ở trong quan hệ buộc ràng, là người nhà. Điều mê lý, là “Không có người nào biết”.

Pháp sư Đàm Tế nói: “Thân có hơn kém là lớn, nhỏ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Văn tuệ là nhỏ, Tu tuệ là lớn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nêu rộng về không, vì sáu đường đều không biết, nên nói có lớn nhỏ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Trong một nhà Phật pháp, hễ là người học Phật, vì Đức Phật chưa nói, nên nói là không biết.”

“Bấy giờ, có người khác”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dụ cho Đức Phật, vì đã ra khỏi ba cõi nên là người khác.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đức Phật lấy nhân, quả so sánh khác nhau làm dụ”.

Pháp sư Đàm Ái nói: “Ví dụ mình có tất cả mà không thấy”.

Từ dưới đây, là dụ cho lý do không được liền nói”.

“Khéo biết phương tiện”.

Xét: Pháp sư Đàm Tế nói: “Khéo làm sáng tỏ Phật tánh.

Pháp sư Đàm Ái nói: “Có năng lực Từ bi”.

“Bảo cô gái nghèo rằng:”

Xét: Pháp sư Đàm Ái nói: Cơ cảm làm phát sanh lẫn nhau. Nay ta thuê ông. Pháp sư Đàm Tế nói “Chính là bốn nguyện của ta”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Mô phỏng theo danh từ thích hợp. Phật tánh là vật định kỳ hạn, là chia vạch bờ cõi của ngã, không bao dung, gọi là người làm thuê. Thuê là mượn để thu được lợi, vì ít ỏi. Nay, vì Niết-bàn Vô dư, phải là dứt kiết, quả mà Tiểu thừa được sánh với thường là ít ỏi, như thuê mượn. Chúng sinh tự dứt “Hoặc” rồi đạt được quả, mà nói là Đức Phật thuê người làm, cứu khổ đã là do đại Bi, mặc dù chúng sinh kia tự dứt hoặc, cho đến việc cần thiết của người.”

“Cô hãy vì tôi”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thệ nguyện xưa của Đức Phật là cứu vớt hết các khổ. Nếu khổ không hết, thì trách nhiệm phải gánh vác vẫn chưa hoàn thành. Nếu độ thoát hết sinh tử, thì sẽ được theo đuổi bản nguyện của bậc Thánh, nên nói là “vì tôi”.

“Dọn cỏ rác dơ bẩn”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Trước kia đã nói là vô ngã dứt trừ điên đảo. Dù “Ngã” ô uế, nhưng trong tâm ý vẫn thường còn chân ngã Phật tánh. Đây là nghĩa thuê.”

“Cô gái nghèo đáp: “Nay tôi không thể”.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chỉ cho lúc tu nghiêng lệch. Tu đạo thẳng lợi, nên cuối cùng không thể tu tập thường.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đây là nghĩa. Nhờ nói về việc của chúng sinh chỉ giữ lấy lợi mình, mà không gồm đạo giáo hóa, nên nói “Không thể”.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chúng sinh chấp thường đã lâu. Một sớm một chiều không thể tin vô thường được.”

Pháp sư Đạo Tuệ ghi: “Lời lẽ chưa tin, chủ yếu phải biết mình đã có lý tánh rõ ràng, sau đó mới tự siêng năng thực hành lý tánh đó.”

“Nếu ông chỉ cho con tôi kho vàng, thì tôi sẽ nhanh chóng dọn cỏ rác cho ông.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu Đức Phật vì chúng sinh nói Phật tánh chân ngã, dụ cho tìm cầu kho vàng của mình.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phỏng theo cơ nghi chúng sinh đều có lý này! Không nói ý kia. Nếu xét biết lý do, về sau tu điều lành, như trước hết, chỉ cho tôi biết, rồi mới dọn cỏ rác.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Căn cơ thường sắp phát, nên làm Bồ-tát, trước là vì người, sau là vì mình, như chỉ cho con kho vàng. Đã là công sức ở sau, nghĩa dứt trừ “Hoặc” rõ ràng. Lấy quả càng nhanh chóng, dụ

cho dọn cỏ rác nhanh chóng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói về cơ cảm thì giáo Tiểu thừa, căn cơ Đại thừa tất nhiên thuần thực, cuối cùng được nghĩa thường, lạc, nói là chỉ cho biết.”

Pháp sư Đạo Tuệ nói: “Đây là dụ cho trí tuệ. Nếu bảo cho biết rõ Phật tánh, làm cho chúng sinh được hiểu biết chân thật, thì mới thực hành công hạnh được.”

“Người khác ấy đáp: “Tôi biết cách có thể chỉ cho con ông biết.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đã nói người thuê thì có thể chỉ cho kho vàng kia.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dùng ba Đạt, bốn Biện tài, thì tất nhiên sẽ nói rộng được.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đức Như lai dùng phương tiện trước giảng nói vô ngã, vì làm cho chúng sinh được hiểu biết, gồm giúp thông suốt lý. Vì lý được thông suốt là nhờ Đức Phật, nên nói “Có thể chỉ cho biết”.

Pháp sư Tuệ Lãng thuật lời của Đàm Tiêm rằng: “Con, dụ cho hiểu biết vị lai.”

Cô gái lại nói: “Hầu hết người lớn, nhỏ trong nhà tôi còn không ai biết, huống chi ông mà biết được sao?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vẫn là lời nói chưa tin”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sự đồng với thân, thì gần, khác với thân thì xa, gần còn không biết được, huống chi là xa.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Lời nói này là nói ngày nay, tình trái với lý, từ Phật mà được. Trí vô ngã chưa sáng tỏ, còn không nói “Có ngã”, huống chi trí thấy ngã của Phật đã tròn đầy, mà nói là “Có Ngã ư?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu tánh là tánh của “Ngã” thì “Ngã” còn không biết, huống chi “Phi ngã” mà biết được “Ngã” ư?

“Người khác ấy nói: “Nay tôi xét thấy có thể.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Lý không thể mất, chỉ cho tôi biết được.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì có “Hoặc” nên dù gần mà không biết, vì không có “Hoặc” nên dù ở xa, nhưng nhìn thấy được.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Về lý này chỉ có Đức Phật, người có khả năng soi sáng, mới gọi là xét biết.”

Cô gái lại nói: “Tôi cũng muốn thấy xin ông hãy chỉ cho tôi thấy!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Về lý, nói là có chỉ thú, biết được

chỉ thứ ấy, tất nhiên là tự có, nên dụ cho cô gái nọ tự tìm thấy kho vàng.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ứng theo căn cơ nghe mà phát ra, dụ cho “Muốn thấy”. Cảm giáo do mình, dụ cho “Chỉ bày”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trùm khắp vật là trước, sau mới đến mình, nên nói cũng muốn thấy.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Vì người, và ta gồm có lợi, nên nói là “Đều”.

“Người khác ấy ở ngay trong nhà cô gái, đào được kho vàng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dứt trừ sự che lấp của kiết “Hoặc”, là “Đào xới”. Vì nhận được Phật tánh, là tìm ra kho vàng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói riêng về vô thường thì “Ngã”, “Thường” tự sáng rõ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nói giáo của Niết-bàn là nói về Phật tánh, để chỉ bày cho chúng sinh biết.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tánh không ở người khác, hoặc đã dứt trừ thì sẽ thấy. Về nghĩa thích hợp với ở ngay trong nhà mà đào được ra.”

“Cô gái thấy kho vàng rồi, lòng rất vui mừng” cho đến “Như cô gái nghèo kia có kho vàng mà không biết.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chế phục kiết, kính tin, gọi là nhìn thấy, chẳng phải là được.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nghe nói về Phật tánh, phát sinh “Giải” sâu kín, là nghĩa của nghiệp lành.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Cảm ứng không khác nhau, nói pháp phải thích hợp căn cơ, dụ cho vui mừng”.

“Này người thiện nam! Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sinh” cho đến “Có kho vàng rỗng mà không thể thấy được.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ hợp với ở trên mà không thể biết.”

“Ngày nay, Đức Như lai chỉ bày cho khắp chúng sinh” cho đến “Lòng rất vui mừng, quy ngưỡng Đức Như lai.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Kết hợp với việc đào xới nói trên, là chỉ bày kho vàng.”

“Khéo dùng phương tiện: Tức là Như lai” cho đến “Kho vàng rỗng tức Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói: “Nêu lại thí dụ, đối với hợp.”

Lại nữa, “Này thiện nam! Ví như người nữ.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trước nói dứt “Hoặc” mới thấy, nay nói đã được giáo hóa.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dụ cho Đức Phật. Cô gái có đức nuôi con, Đức Phật có đạo từ cứu hộ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Đại ý vì muốn nói về lý do giáo xưa chưa nói và lý do giáo nay nói.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ này đã có trong ví dụ trước. Nếu quả có mà thấy được, thì lẽ ra Đức Như lai đã nói sớm. Vì sao? Vì tức làm cho chúng sinh sẽ sinh khởi điên đảo vô thường? Ví dụ này và ví dụ thầy thuốc mới lời nói thì giống nhau, mà ý thì khác. Ví dụ kia nhằm gạt lọc sự thật, hư của hai giáo, còn ví dụ này nói Đức Phật sao không nói trước?”

Lược có năm ý:

1. Nói đã từng trải qua “Thường” và “Giải” trong quá khứ lâu xa.
2. Nói về trái với lời Phật giáo hóa, mất đi “Giải”.
3. Nói thiện cảm với Đức Thích-ca vì nói Thiên giáo.
4. Dù nói giáo “Thường”, nhưng chưa tin.
5. Nói lại về quyết đoán, dần dần tin tưởng, rồi mới uống thuốc.

Người nữ dụ cho Phật quá khứ.”

“Sinh nuôi một đứa con trai.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Xem chúng sinh bình đẳng, dụ cho không có hai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Tướng hữu lậu khéo sinh, vì Phật dụ cho sinh, nuôi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Nói sinh từ miệng Phật.”

“Đứa trẻ bị bệnh.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vâng lời Phật giáo hóa chưa sâu sắc, dụ cho trẻ thơ, mà bị tà ngã mê hoặc, dụ cho bị bệnh.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai, dụ cho mất “Giải”.

“Người nữ này buồn rầu, tìm thầy thuốc giỏi.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì binh nghiêng lệch nên cần thuốc, thầy thuốc, bệnh điều trị lẫn nhau, nghĩa là như thầy thuốc.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Mẹ với thầy thuốc, tùy thuộc ở nghĩa làm dụ. Lấy tuệ giải thêm lớn kia để dụ cho mẹ. Nghĩa trị bệnh là thầy thuốc.

Lại không có ý chỉ riêng, tìm kiếm thầy thuốc. Dò xét căn cơ của người nữ kia phát ra mà điều trị cho.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Khéo giành lại pháp thân. Pháp thân khéo

ứng, ứng thân làm thầy thuốc, dụ như tìm kiếm.”

“Lương y đã đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Căn cơ đáng điều trị phát ra vào thời gian này.”

“Hòa chung ba thứ: Bơ, sữa và đường phèn rồi bảo đứa trẻ uống.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói pháp hữu vi vô thường, khổ, vô ngã là thứ thuốc hay chữa trị bệnh nghiêng chấp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba, dụ cho nói giáo nghiêng lệch.”

“Thầy thuốc dặn người nữ: Sau khi trẻ uống thuốc xong, nhớ đừng cho nó bú ngay.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sữa của giáo “Thường”, pháp nuôi con ví dụ cho “Vô ngã” ít, nói dụ về “Ngã” nhiều, đều dùng sữa làm dụ. Điều trị do đạo quyền, ví dụ căn dặn, vì tà ngã chưa dứt, chớ nói pháp thân là “Ngã”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói “thường” là thật trí, nói vô thường là quyền trí. Vào thời bấy giờ, chỉ được nói “Quyền”, chưa được nói “Thật”, vì nghĩa liên quan nhau giữa “Quyền” và “Thật”, nên nói “Căn dặn”. Chẳng phải không cho bú, chỉ vì lúc cho bú chưa đến, nên nói vãn lại”. Vì “Quyền” tuệ chính là nói “Vô thường”, “Thật” tuệ biết thời gian chưa đến. Vì không nói về “Thường”, nên nói “Vãn lại chớ”.

“Phải chờ khi thuốc đã tiêu hóa, mới được cho trẻ bú.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngã” ba cõi đã dứt, mới được gọi là “Ngã”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu Điên đảo nặng đã dứt trừ, thì đạo đối trị cũng cáo chung.”

“Lúc ấy, người nữ liền thoa chất đắng vào vú.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Giáo vô ngã không phải điều mà chúng sinh ưa thích, vì vị nó đắng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vô thường, vô ngã, lạm quá pháp thân, có danh, không có thật, dụ cho thoa chất đắng bên ngoài.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lẽ ra phải nói rằng, thầy thuốc thoa thuốc vào vú mới đúng, đằng này lại nói rằng, người mẹ tự thoa, ấy là lấy nghĩa khéo nuôi con, tiện hơn. Lại, giải thích: “Vì tiêu biểu thầy thuốc với người mẹ không có tự thể khác nhau.”

“Nói khế với con mình: “Vú mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ sờ đến.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ái nhiễm gọi là sờ mó. Thân đều vô thường, không thể ái nhiễm.”

“Đứa bé khát sữa, muốn được mẹ cho bú, nhưng thoáng đánh hơi chất đắng trên núm vú, nên không dám đến gần.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chán tai hại thân khổ, tìm niềm vui vô vi, nghe nói Đức Phật vô thường, nên chí không mong cầu.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Cần sữa thường trụ, dụ cho khát. Đây là nói theo lý. Vì sinh khởi nói vô ngã, nên trái với giáo mà không thọ, dụ cho không dám đến gần (bỏ đi), đây là nói theo tình.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thói quen chấp thường đã lâu, giờ đây lại sắp khởi, như khát sữa. Thường nói là vốn ở Đức Phật, dù là chấp trái ngược, vì cũng được từ Phật, nên nói sữa mẹ, chỉ vận chuyển sáng suốt gần với giáo thiên lệch, tâm điên đảo muốn khởi không được, dụ cho bỏ đi (không dám đến gần mẹ).

Lại, giải thích: Dù nghe chỉ thú của giáo thiên lệch, như có lý trở về chân, mà giáo thiên đã gần mà “Giải” viên không có dịp phát ra, như vì nghe mùi đắng, nên bỏ đi.”

“Đến khi thuốc uống đã tiêu hóa.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tà ngã đã dứt, tức là lúc để nói chân ngã.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ thứ tư, nói về viên giáo.”

“Người mẹ vội dùng nước rửa sạch vú rồi gọi con đến cho bú.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nay, nói “Ngã” thường, chia ra hai giáo rõ ràng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là căn cứ đáng nói, tức là gọi con.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Giáo thường đã hưng thịnh, không có “Hoặc” lạm quá Đức Phật nữa. Về nghĩa như dùng nước rửa sạch vú.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích giáo “Thường” như nước, lý được giải thích như sữa. Về nghĩa, là dùng nước rửa sạch vú.”

“Lúc đó, đứa trẻ dù khát sữa, nhưng vì còn nhớ mùi đắng, nên không dám đến bú.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chấp giáo nghiêng lệch trước, không tin thuyết sau.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đủ như đã nói trong phần khai tông.”

Người mẹ bảo: “Vì con đã uống thuốc” cho đến “Giờ đây con hãy đến bú, không còn đắng nữa đâu!”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Như ví dụ thầy thuốc mới, thầy thuốc cũ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ví dụ thứ năm, chỉ rõ lại chỉ thú nay và xưa.”

Đứa trẻ “Nghe mẹ bảo, dần dần đến bú.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Kính vâng theo thuyết nay, không còn chấp lầm giáo xưa nữa.”

“Này người thiện nam! Như lai cũng vậy. Vì hóa độ tất cả chúng sinh” cho đến “Vì dứt bỏ các kiến chấp giả dối của thế gian.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba cõi lưỡng đối, chấp cho là “Ngã”, đây gọi là kiến chấp giả dối.”

“Thị hiện pháp xuất thế gian”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Biết kia lưỡng đối, tức là xuất thế gian.”

“Lại, chỉ rõ quan niệm chấp ngã của thế gian là giả dối, vì chẳng phải chân thật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Là giải thích về “Ngã” gao, mà ở câu đầu trong lý không có.”

“Vì tu pháp vô ngã, thân được thanh tịnh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích câu thứ hai.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trên đây, lược hợp ví dụ ba thứ thuốc như bơ, sữa...”

“Như cô gái kia vì chữa bệnh cho con mình” cho đến “Nói các pháp đều không có ngã.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu lại ví dụ thứ ba, lại hợp.”

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi, gọi con đến bú.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nêu ví dụ thứ tư.”

“Nay ta cũng vậy, là nói Như lai tạng, vì cho nên các Tỳ-kheo không nên sinh tâm kinh sợ.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp ví dụ rửa sạch vú.”

Như đứa trẻ kia, khi nghe mẹ gọi, lần lần trở lại bú.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu ví dụ thứ năm.”

“Các Tỳ-kheo cũng vậy, nên tự phân biệt bí tạng của Như lai, là không được, không có.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp theo giáo pháp.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế tôn! Thật không có ngã.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trên đã nói chúng sinh có ngã, “Ngã” tức Phật tánh. Nói về “Hữu” có hai thứ: “Hữu” hiện tại và “Hữu” ở vị lai, nhưng về nghĩa thì “Hữu” chưa phân biệt rõ ràng, do đó phải dùng mười một việc làm câu hỏi, để bắt bẻ về cái “Hữu” của hiện tại trở thành chỉ thú của “Hữu” vị lai.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Kho báu trong nhà dụ cho chúng sinh có chân ngã sáng lớn ở ngay trong họ. Bồ-tát Ca-diếp biết chúng đang nghi ngờ, bèn đặt ra câu hỏi rằng: “Tức là lẽ ra đã có tác dụng của tánh quả ư?”

“Vì sao? Vì khi đứa trẻ mới sinh không hiểu biết gì” cho đến “Do nghĩa này nên biết không có ngã.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Điều trách cứ ở tác dụng hiện tại.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ngã” lấy tự tại làm nghĩa, trong khi đứa trẻ không hiểu biết gì, thì không có tác dụng soi sáng, cho nên biết không có “Ngã”!

Nếu chắc chắn có “Ngã” thì khi thọ sinh rồi cho đến “Là thường trụ, lẽ ra sẽ không có tướng hư hoại.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Người tự tại lẽ ra không vô thường.”

Nếu không có tướng hư hoại, thì sao có Sát-đế-lợi” cho đến “Biết chắc chắn Phật tánh chẳng phải là pháp thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu quả báo không bằng nhau, để chứng tỏ không có tự tại.”

Nếu nói Phật tánh chắc chắn là thường” cho đến “Nói dối, nói thêu dệt, tham lam, giận dữ, tà kiến.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói do nhân không chính đáng, cho nên biết vô “Ngã”.

“Nếu tánh chất của “Ngã” là thường, vì sao sau khi uống rượu, con người lại say sưa, mê loạn?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Câu trước nói: “Nếu có ngã thì không nên bị chuyển biến theo duyên bên ngoài.”

Nếu tánh của “Ngã” là thường, thì người mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, người câm đáng lẽ nói được và người què quặt lẽ ra cũng đi được.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước kia nói không nên gây ra điều ác trong nhân. Nay, ở đây nói không nên cam chịu quả ác này.”

Nếu tánh của “Ngã” là thường, thì không nên tránh xa hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, gươm, dao, kẻ ác, thú dữ.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu có chút sợ sệt, thì đâu phải là tự tại?”

“Nếu “Ngã” là thường, thì đối với những việc đã từng nghe, thấy” cho đến “Tôi đã từng thấy người này ở chỗ nào ư?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Có Ngã thì thường ghi nhớ, chẳng

lẽ quên ư?”

“Nếu “Ngã” là thường thì không nên có các trạng thái già trẻ, thịnh suy, nhớ lại việc đã qua.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Các câu trước đều căn cứ vào tâm, một câu này là nêu sắc. Nếu tự tại, thì hẳn là thường, tâm làm sao quên được, sắc làm sao biến chuyển được?”

“Nếu “Ngã” là thường, thì nó ở chỗ nào? Có phải ở trong nước mũi, nước miếng, hay trong các màu xanh, vàng, đỏ, trắng chẳng?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Từ trước đến đây, đã tra xét lý cùng cực, nay trách cứ chỗ ở. Nếu không ở riêng một phương, thì đáng lẽ phải ở khắp mọi nơi? Ở mỗi chỗ trước đây để xem xét là không .”

“Nếu “Ngã” là thường, thì lẽ ra phải ở khắp thân” cho đến “Nếu khi chặt đứt thân thể, thì “Ngã” đó lẽ ra cũng bị chặt đứt?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Không ở riêng một chỗ nào, về sự đã nói như trên. Nếu hiện nay có khắp, thì đồng với mè, gạo, đậu nói là tự tại, lại nói là thường ư?”

“Phật bảo Ca-diếp: Nay người thiện nam! Ví như nhà vua” cho đến “Có viên Kim cương giữa trán.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nói chẳng phải không có, nhưng chẳng phải mình có, vì trên trán trí tuệ có gắn viên ngọc chân ngã.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là đáp câu hỏi để nói về Phật tánh dù “Có” đối với người nhận thấy thì thành “Giải” (hiểu rõ), đối với người không thấy, sẽ thành “Hoặc” (mê lầm). Vì không thể nói là “Có” nên trách cứ tác dụng hiện tại, như hạt châu ở giữa trán kia, nếu sáng rõ thì trang nghiêm cho thân, còn ẩn thì sẽ thành bệnh, vì không thể dùng viên ngọc ở thân, nên thường trách cứ vẻ đẹp của nó. Đây là đáp chung các câu hỏi. Dưới đây sẽ có thí dụ riêng:

Vua, dụ cho Đức Phật lực sĩ, dụ cho người tu hành, viên ngọc dụ cho “Giải”. Phật nói tánh nhân quả, người nghe nhận hiểu được. Hiểu tròn đầy có thể trách, như ở giữa hai đầu chân mày.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Tin, hiểu Phật tánh Trung đạo không nghiêng lệch, cũng như ở giữa hai đầu chân mày kia. Tin, biết Phật tánh chắc chắn là dụng của mình, giống như giữa hai đầu chân mày kia có viên ngọc này.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý ví dụ này nói chẳng phải không có tánh thường, chỉ vì bị hoặc che lấp, nên không có công dụng hiện tại. Không thể lấy cố hiện tại chưa có công dụng mà cho là không có. Ví dụ này có năm lớp ý:

1. Nói đã có lãnh thọ việc “Giải” trong quá khứ.
2. Nói trôi lăn trong sinh tử, tức là mất đi “Giải” xưa.
3. Nói dù mất “Giải” gốc, nhưng do năng lực lành đã chiêu cảm đến bậc Thánh, nên ra đời nói giáo nghiêng lệch.
4. Nói về căn cơ thường mới phát, vì nói Viên giáo.
5. Giải thích lại, sau đó mới tin ý chỉ chủ yếu đã quy lấy, thứ hai, dụ cho mất “Giải”, khởi “Hoặc”, nhằm nói về “Hoặc” đọng lại trong sinh tử, che lấp mất tuệ, không có công dụng hiện tại, không thể nói là hoàn toàn “Không”. Nhà Vua: Nhà là chỗ, chỗ mà Đức Phật giáo hóa cùng khắp. Vì lực sĩ đã dùng năng lực chống cự dữ dội để khuất phục đối phương nên gọi là Đại, đã giáo hóa người tu hành, cuối cùng bỏ gậy hết việc ác lớn, như Đại lực sĩ.

“Hạt kim cương là nói về tín, hiểu Trung đạo, phá tan được điên đảo, dụ như Kim cương.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ví dụ có bốn ý:

1. Ví dụ sinh “Giải”.
2. Ví dụ mất “Giải”.
3. Về sau Đức Phật ra đời, nói giáo nghiêng lệch.
4. Nói viên giáo.

Hạt ngọc: “Dùng chung sáu hạnh lý giải nhân quả hợp thành thí dụ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Chia ví dụ này thành hai đoạn: Từ bắt đầu, cho đến “Buồn rầu than khóc”, là nói về trước hiểu mà sau mất. Kế là, từ “An ủi dụ cho lực sĩ nói thí dụ, là nói về sau, Đức Phật nói lại, lại được hiểu rõ.”

Trong đoạn trước có hai thứ bậc, đây là bậc thứ nhất, chính là nói về ngày xưa, lúc đã được lòng tin hiểu rõ về Trung đạo.

“Cùng đấu vật, độ sức với lực sĩ khác”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tà “Ngã” là khác đối với chánh “Giải”. Chánh giải chưa vững chắc, mà tranh luận với tà mạnh mẽ, dụ cho so sánh thế lực.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ví dụ về mất “Giải” thứ hai, nói về “Giải” vi tế, kiến cạn cạn, mà khởi lên “Hoặc” nặng nề, đã lìa sinh tử, đâu được nghe “Có”, mà liền khiến cho có công dụng hiện thực. Công dụng hiện tại đã “Không”, bàn cho rằng mất hẳn ư?”

Lực sĩ khác, dụ cho tâm vô minh. “Giải” là dứt hết “Hoặc”. Thủ dụ cho lực sĩ. “Hoặc” hữu lậu là kẻ ngăn cản “Giải”, cũng gọi là lực sĩ.

So sánh thể lực, là văn tuệ chưa sáng suốt mà lúc tâm ngã dao động. “Giải” “Hoặc” giao đấu với nhau, dụ như so sánh thể lực (độ sức)”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đấu sức với nhau, dụ cho hai lực sĩ khuất phục lẫn nhau.”

“Mà lực sĩ kia đã húc đầu vào lực sĩ nọ.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vô minh là kiết đứng đầu các kiết.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ngã kiến, là kiết đứng đầu các kiết, nên nói dùng đầu húc.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Giải, Viên lấy chánh tín làm đầu, tâm tà dùng Bất Tín làm đầu. Tín đã bị bất tín xâm phạm, như hai cái đầu húc vào nhau.”

“Hạt ngọc trên trán lực sĩ kia đã lún mất dưới da.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chịu khuất phục dưới phe tà, nói là ẩn mất. Có danh, không có thật dụ cho da.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Chánh tín nhỏ nhen, cạn cọt, không thể tự làm mình vững chắc, tức là đồng với thuyết tà kiến.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tín bị Bất tín lấn át, “Giải” tròn thì ẩn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đệ tử Phật dùng tướng, tâm để nói không có tướng. Về lý đã vô tướng, u ẩn mà khó hiển bày. Ngoại đạo lại dùng tướng, tâm để nói về tướng. Về mặt lý thì dễ an ổn, sống trong sinh tử đã lâu, tức là mất đi “Giải” gốc, đuổi theo tà chấp kia, nên nói là lún vào trong da.”

Đạo Tuệ ghi: Sở dĩ nói trong da vì nói chẳng phải hạt ngọc mất hẳn, mà tìm kiếm thì, sẽ phát hiện không lâu.”

“Điều không tự biết rằng hạt ngọc này vẫn còn”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lấy “Tà ngã” làm chân, không biết đã mất đi chân ngã.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dùng đầu “Tà hoặc” để làm vỡ trán chánh tín. Hễ chánh tín bị phá vỡ thì làm sao biết được mình vốn có Phật tánh ư? Dù không biết mình có, nhưng cuối cùng về mặt lý thì rõ ràng, như viên ngọc lún mất trong da.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Khởi kiến thường ngang trái, tức là mất đi những gì vốn đã hiểu biết. Nếu nhận thức thường ở quả thì sẽ ổn định được địa kia, tức là có sự tồn tại. Đã trái với hiểu biết kia, vì tâm vô thường, nên nói “Không biết vẫn còn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lý được, mất chẳng phải đối tượng mà

mình tỏ ngộ, nên nói “Đều không tự biết”.

“Ngay chỗ lún trên trán của lực sĩ kia, mọc một mụn nhọt.” Pháp sư Tăng Tông nói: Vì mất chân ngã mà thành hoặc điên đảo, đưa đến khổ sanh tử.

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Phá vỡ chánh tín, nên có mụn nhọt bất tín.”

“Liên mời thầy thuốc điều trị”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Khổ sinh tử rất ép ngặt, duyên “Giải” lại chiêu cảm. Lúc tỏ ngộ đã gần kề, căn cứ đến, hợp với Thánh, như ý nghĩa nhờ thầy thuốc.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ví dụ thứ ba, đường cảm ứng giao nhau, nghĩa là mời, bảo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chúng sinh có thiện, có khổ, cả hai đều duyên cảm đến Phật, thấy Phật, tức là vì có khả năng diệt khổ, nên nói chữa trị.”

“Bấy giờ, có người thầy thuốc khéo biết các phương thuốc.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Minh y dụ cho Đức Phật khéo dứt trừ tám đảo, dụ cho biết rõ về phương thuốc”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chính là Đức Thích-ca điều trị bệnh “Hoặc”, nên gọi là thầy thuốc, thấu hiểu phương pháp của kinh giáo, thuốc của Tông chỉ sâu kín, nhiệm mầu cùng cực.”

“Biết ngay nguyên nhân mụn nhọt này là do hạt ngọc tiềm tàng sâu trong thân.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Duyên” mất “Giải” trở thành “Hoặc”, đưa đến sinh tử.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người thầy thuốc thấy mụn nhọt, biết nguyên nhân thấm vào cơ thể. Đức Phật thấy chúng sinh trôi lăn trong năm đường, biết là khởi ngang trái chấp thường giả dối, nên đánh mất “Giải” vốn có.”

“Viên ngọc này khi lún vào da rồi liền dừng lại.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì biết ngay chẳng phải mất lâu, nên nói “Dừng lại.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Lý Phật tánh chung quy là công dụng của tâm. Dù bị phiền não tạm thời che lấp nhưng hạt ngọc chỉ ở tạm trong da, không bao lâu sẽ lộ ra.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Lý viên “Giải”, không lúc nào tạm dứt, mới có việc bỏ dỡ, hưng thịnh, lý ấy thường còn như sự dừng lại.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dù có mất đi kiến giải vào thời gian bấy

giờ, nhưng căn cơ xưa vẫn còn không mất.”

“Bấy giờ, người thầy thuốc liền hỏi lực sĩ: “Viên ngọc trên trán ông đâu rồi?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì nói vô ngã tức là nói lên có chân ngã”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói giáo nghiêng lệch, chấp thường một cách ngang trái là đánh mất. Chỉ có “Ngã” thường đồng mất, mất gọi là không hiện rõ. Đức Như lai ra đời vì giảng nói về giáo nghiêng lệch, đẩy lùi tà ngã kia, tìm kiếm sở chấp, nhận biết các chấp đó đều là sai lầm, nghĩa mất mới được biểu hiện rõ. Như lực sĩ kia đánh mất hạt ngọc, dù đã lâu, nhưng không tự biết, đến lúc thầy thuốc hỏi, mới biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sở dĩ vì nói lẽ vô thường, là vì ý muốn bày tỏ “Giải” sẵn trong kia, dụ như hỏi lực sĩ nọ hạt ngọc vốn có kia hiện nay đâu rồi?”

“Lực sĩ kinh ngạc đáp: “Thưa Đại sư y vương! Hạt ngọc trên trán tôi đã biến mất rồi?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Vì chàng lực sĩ không biết mất lúc nào, nên khi nghe hỏi, mới tỏ vẻ kinh ngạc, nói bừa là mất. Đáp rằng: “đúng vậy?”

“Viên ngọc này, hiện giờ nó ở đâu? Chẳng phải huyễn hóa”, nói xong, buồn rầu, khóc lóc.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Đã cho là đánh mất hạt ngọc, lẽ ra phải tìm kiếm xem nó ở đâu, lại nói là không còn, cho là như huyễn hóa.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Tìm kiếm bác bỏ năm ấm, mà không được gì. Hóa, nghĩa là chấp tất cả pháp đều không, khóc lóc, là tỏ ngộ tất cả pháp chỉ là tám khổ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Vì học quán sâu vô ngã, cho đến nói rằng, không biết chân ngã ở đâu?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dù nghe giáo nghiêng lệch, nhưng hễ chưa hàng phục thì ví dụ kinh hãi đáp. Cuối cùng tin vào nghĩa chỉ thú hôm nay, nói là “Hạt ngọc của tôi”, đã mất rồi ư?”

“Lúc ấy vị thầy thuốc an ủi lực sĩ: Nay ông không nên quá buồn rầu đau khổ”.

Xét: Pháp sư Đạo sanh nói: “Để thỏa lòng mình, nói là hạt ngọc không còn, bèn nói rằng, vì tôi đã tỏ ngộ. Về lý, đã hiển này trong thân, cũng là nói biết rõ ràng.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là ví dụ thứ hai. Pháp hữu là bất

không, cũng có “Ngã” thường, không phải như đã thấy tất cả khổ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ví dụ thứ tư. Y theo giáo mà thực hành, đã dứt trừ điên đảo nặng nề. Nay căn cơ thường mới phát, giải thích quả Phật, Phật sở dĩ là thường, vì đây là hữu tình đã được ổn định, như hỏi han an ủi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Từ dưới đây đoạn thứ tư, ví dụ về căn cơ chúng sinh thành thực, có khả năng nghe pháp thường trụ, tức kinh giáo Niết-bàn, là lời an ủi, khuyến dụ.”

“Vì lúc đầu vật, hạt ngọc bị lún vào cơ thể ông, nay nó ở trong da, bóng nó hiện ra ngoài.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đây là thuyết nay, nói về “Giải” của lúc trước, “Hoặc” tạm thời mê, duyên xưa ngầm phát, dụ cho ảnh hiện ra ngoài.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Dù lại mất kiến giải, nhưng lý không mất. Đương thời dù bị “Hoặc” che lấp, nhưng với năng lực của một niệm kia, tất nhiên dẫn đến quả cùng cực. Tướng tối tăm cảm vờ, chẳng được nói là tướng “Không”, như viên ngọc dù tiềm ẩn trong da, nhưng bóng nó vẫn hiện ra ngoài.”

“Lúc các ông đấu vật nhau, vì cơn giận dữ qua sâu độc mạnh mẽ, nên hạt ngọc đã bị lún vào thân thể, mà không tự biết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cho rằng nhân của giải, thường vẫn tồn tại, tỏ ngộ ở ngày nay, tự không biết mà thôi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Khởi “Hoặc” thì mất “Giải” vì bị độc nặng nề, nên không tự biết.”

“Bấy giờ, lực sĩ không tin lời thầy thuốc nói” cho đến “Nay sao ông lại nói dối tôi.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chấp mất, không tin vào thuyết nay.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trong da cặn găn dụ cho thời gian hiện tại. Pháp hữu vi hiện tại, chỉ cho khổ bất tịnh, há thấy được công dụng của Phật tánh ư?”

Trong gân rất sâu xa dụ cho vị lai, vì không thể thấy nên nói Phật tánh (viên ngọc) kia không có.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phật tánh thanh tịnh. Do đó, nếu đối với phiền não thì Phật tánh sẽ không được chấp nhận như vậy, nếu đối với việc lành, lúc chưa có điều lành, thì sẽ không có Phật tánh, không nên nói là thấy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Gần là mười một lần thưa hỏi của Bồ-tát

Ca-diếp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Không khác với từ ngữ thường mà các Tỳ-kheo không tin trong ví dụ thầy thuốc mới cũ ở trước.”

“Bấy giờ, người thầy thuốc cầm gương soi, soi vào mặt lực sĩ kia, hạt kim cương liền hiện rõ ánh sáng trong gương.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Gương trí tuệ có được từ Đức Phật, như người thầy thuốc.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Gương soi là biểu tượng để dụ cho Viên giáo. Mặt có hai mắt, dụ cho hai tuệ, tánh ở trong vẫn, như người có mắt soi thấy vóc dáng mình trong gương soi.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dù một lời nói thoảng qua, vẫn chưa thể tin ngay được. Nếu được chiếc gương “Chân giải”, mới chứng biết được, “Giải” từ Đức Phật mà được, như thầy thuốc cầm gương soi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là ví dụ thứ năm. Hạt ngọc phản ánh trong suốt dưới lớp da mà không biết, phải là chiếc gương sạch, thì mới soi thấy. Sẽ nói về lời nói để giải thích lý, lý do lời nói được tỏ rõ, như hạt ngọc hiện trong gương.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chiếc gương soi tức giáo Niết-bàn, mặt, dụ cho tâm chúng sinh.”

Minh Tuấn nói: “Gương chỉ cho ví dụ này, mặt dụ cho đức tin. Lý và giải, trái phải là thí dụ, đồng với ví dụ hạt ngọc. Dù lý chưa có mà tin, hiểu đã được. Đã nhờ ví dụ mà được ngộ, như mặt thấy rõ trong gương. Ví dụ này do chính Đức Phật nói, nên nói thầy thuốc cầm chiếc gương.”

“Lực sĩ thấy rồi, tâm rất kinh ngạc, có cảm tưởng kỳ lạ đặc biệt.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Tín đồ thọ giáo, nghe thấy Phật tánh, mới sinh tin hiểu, trong thân bèn có lý vượt hơn này, có cảm tưởng kỳ lạ, đặc biệt này.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Sự hiểu biết sinh ra, ý biểu lộ sự kinh ngạc. Quý ở chỗ tỏ ngộ, là ý tưởng kỳ lạ đặc biệt.”

“Này người thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng giống như vậy” cho đến “Chỉ có Phật tánh đều không thể thấy được.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp ví dụ về mắt “Giải”.

“Mà bị tham dâm, giận dữ, ngu si” cho đến “Vì sự ngu si đã che lấp bản tâm, nên không biết Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ ban đầu.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp với ví dụ chỗ hạt ngọc lún vào trán của lực sĩ, nổi lên mụn nhọt. Che lấp tâm, nghĩa là hợp với “Đều không

tự biết hạt ngọc này vẫn ở chỗ của nó.”

“Như hạt ngọc của lực sĩ vẫn ở ngay trong cơ thể” cho đến “Huống chi biết được chân tánh của ngã”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Hợp với thí dụ thứ hai. Pháp sư Tăng Tông nói. “Người tu học vô ngã, hợp với ở trên là không có bỏ ư? Không biết chân tánh của ngã, nghĩa là lại hợp với ví dụ thứ hai. Không biết chỗ vô ngã: Trở lại chấp nghiêng lệch mà tu không quán, vì chẳng phải căn cơ ở bạn lành học tập mà được, nên chẳng phải khéo hiểu.

“Này người thiện nam! Như lai nói các chúng sinh đều sẵn có Phật tánh như thế” cho đến “Tạng Như lai vô lượng không thể suy nghĩ bàn luận như vậy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hợp với ví dụ thứ ba.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Hợp với ví dụ cầm gương soi thứ năm.”

